

BẢNG 3: GIÁ ĐẤT Ở TẠI THỊ XÃ NGHĨA LỘ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 37/2010/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh Yên Bái)

A) ĐẤT Ở ĐÔ THỊ (Đô thị loại IV)

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Loại đường	Giá đất (đ/m ²)				
			Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
1	Đường QL 32 (Cầu Thia - Dốc Đỏ)						
1.1	Đoạn từ đầu Cầu Thia đến hết đất ông Hoà Liên	3	2.800.000	1.120.000	840.000	560.000	280.000
1.2	Đoạn tiếp theo đến hết UBND phường Cầu Thia	2	3.000.000	1.200.000	900.000	600.000	300.000
2	Đường Điện Biên (Đoạn từ chi nhánh điện đến hết Nhà Thi đấu)						
2.1	Đoạn từ Chi nhánh Điện đến cửa hàng Xăng dầu (cả 2 bên đường)	2	6.500.000	2.600.000	1.950.000	1.300.000	650.000
2.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Thịnh	2	6.000.000	2.400.000	1.800.000	1.200.000	600.000
2.3	Đoạn tiếp theo từ đất nhà bà Yến Lữ (P. Tân An) và Bảo Tàng (P Trung Tâm) đến giáp đất ông Lâm (P Tân An) và giáp đất ông Đặng Thế Hùng (P.Trung Tâm)	2	6.500.000	2.600.000	1.950.000	1.300.000	650.000
2.4	Đoạn tiếp theo đến hết đất ông Lâm Hương (P Trung Tâm)	1	7.500.000	3.000.000	2.250.000	1.500.000	750.000
2.5	Đoạn tiếp theo đến hết đất bà Kim - Hằng (P. Tân An)	1	7.000.000	2.800.000	2.100.000	1.400.000	700.000
2.6	Đoạn từ nhà Thắng Hạnh đến hết đất bà Lý (P Tân An)	1	7.500.000	3.000.000	2.250.000	1.500.000	750.000
2.7	Đoạn tiếp theo đến hết đất ông Thìn (P Trung Tâm)	1	8.000.000	3.200.000	2.400.000	1.600.000	800.000
2.8	Đoạn tiếp theo đến hết Cầu trắng (P Tân An)	1	8.000.000	3.200.000	2.400.000	1.600.000	800.000
2.9	Đoạn tiếp theo đến hết đất khách sạn Sơn Hà (P Trung Tâm)	1	8.500.000	3.400.000	2.550.000	1.700.000	850.000
2.10	Đoạn tiếp theo đến hết đất Khách sạn Miền Tây (P. Trung Tâm), Hết đất ông Trường - Thảo (P Tân An)	1	7.000.000	2.800.000	2.100.000	1.400.000	700.000
2.11	Đoạn tiếp theo đến hết đất Trường Mầm non Hoa Lan (P. Trung Tâm), Chi nhánh Ngân hàng NN&PTNT Nghĩa Lộ (P. Tân An)	1	6.000.000	2.400.000	1.800.000	1.200.000	600.000
2.12	Đoạn tiếp theo đến hết nhà thi đấu (cả 2 bên đường)	1	5.500.000	2.200.000	1.650.000	1.100.000	550.000
3	Đường Nguyễn Thái Học - QL 32 (Nghĩa Lộ đi MCC)						
3.1	Đoạn từ Kho bạc đến hết đất nhà ông Dũng (P. Pú Trạng), hết đất ông Điều (P. Trung Tâm)	2	4.000.000	1.600.000	1.200.000	800.000	400.000

3.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Khôi - Cán (P. Pú Trạng), hết đất đất ông Hợi (P. Trung Tâm)	2	3.500.000	1.400.000	1.050.000	700.000	350.000
4	Đường Hoàng Liên Sơn (dốc Đỏ - chợ Mường Lò đi MCC).						
4.1	Đoạn từ đất ông Vượt đến hết đất C.ty Thủy Lợi 2 (cả 2 bên đường)	3	4.500.000	1.800.000	1.350.000	900.000	450.000
4.2	Đoạn tiếp theo đến giáp đất ông Bình Loan (cả 2 bên đường)	3	3.800.000	1.520.000	1.140.000	760.000	380.000
4.3	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Bốn (cả 2 bên đường)	3	4.000.000	1.600.000	1.200.000	800.000	400.000
4.4	Đoạn tiếp theo đến giáp đất nhà ông Chính	3	4.500.000	1.800.000	1.350.000	900.000	450.000
4.5	Đoạn từ đất nhà ông Chính đến đường rẽ đi Pá Kết (Nhà ông Tuất Bường)	1	6.500.000	2.600.000	1.950.000	1.300.000	650.000
4.6	Đoạn tiếp theo từ đất ông Đoàn Bảo đến hết đất ông Nghị Tâm (cả 2 bên đường)	1	8.500.000	3.400.000	2.550.000	1.700.000	850.000
4.7	Đoạn tiếp theo đến hết đất ông Thủy - Tiến	1	7.500.000	3.000.000	2.250.000	1.500.000	750.000
4.8	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Hùng Điền và nhà bà Xô	1	6.500.000	2.600.000	1.950.000	1.300.000	650.000
4.9	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Thu (cả 2 bên đường)	1	5.500.000	2.200.000	1.650.000	1.100.000	550.000
4.10	Đoạn tiếp theo đến hết đất Bà Dung và nhà ông Nhân (Đường rẽ Đường Tô Hiệu)	2	4.500.000	1.800.000	1.350.000	900.000	450.000
4.11	Đoạn tiếp theo đến hết đất ông Thượng (Dốc Hoa Kiều; P. Trung Tâm), nhà bà Hoa (Tổ 3 P. Pú Trạng)	3	4.000.000	1.600.000	1.200.000	800.000	400.000
4.12	Đoạn tiếp theo đến hết đất bà Thu (P. Trung Tâm), đến hết đất nhà ông Thiệu (tổ 3 P. Pú Trạng)	3	3.500.000	1.400.000	1.050.000	700.000	350.000
4.13	Đoạn tiếp theo đến Nhà ông Sơn (P. Trung Tâm), hết nhà ông Dão - Thủy (Tổ 2 P. Pú Trạng)	3	3.000.000	1.200.000	900.000	600.000	300.000
4.14	Đoạn tiếp theo đến đầu Cầu Lung mới (Cả 2 bên đường)	3	2.000.000	800.000	600.000	400.000	200.000
4.15	Đoạn từ đất ông Vượng đến hết đất nhà ông Thứ	3	4.000.000	1.600.000	1.200.000	800.000	400.000
4.16	Đoạn cầu Lung cũ (từ nhà ông Sơn đến hết đất nhà ông Chải P. Trung Tâm)	3	1.500.000	600.000	450.000	300.000	150.000
4.17	Đoạn tiếp theo đến đầu Cầu Lung cũ (Cả 2 bên đường)	3	1.000.000	400.000	300.000	200.000	100.000
4.18	Đoạn tiếp theo đến giáp đất ông Thìn	3	1.000.000	400.000	300.000	200.000	100.000
5	Đường Nguyễn Quang Bích (từ Nghĩa Lộ - Trạm Tấu)						
5.1	Đoạn từ sau đất Nhà thi đấu đến giáp đất nhà ông Quế (Tổ 10 P. Pú Trạng; cả hai bên đường)	4	1.200.000	480.000	360.000	240.000	120.000

5.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Cảnh, bà Hương (Tổ 10 P. Pú Trạng),	4	1.200.000	480.000	360.000	240.000	120.000
5.3	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Huy (Tổ 8 P. Tân An),	4	1.000.000	400.000	300.000	200.000	100.000
5.4	Đoạn từ nhà ông Cảnh, bà Hương đến hết đất ông Hách (cả 2 bên đường)	4	700.000	280.000	210.000	140.000	70.000
5.5	Đoạn tiếp theo đến giáp địa phận xã Nghĩa An (Cả 2 bên đường)	4	800.000	320.000	240.000	160.000	80.000
I	PHƯỜNG TRUNG TÂM						
1	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đường Điện Biên gặp đường HLS)						
1.1	Đoạn từ đất ông Phổ đến hết đất ông Hoà Yến	1	9.000.000	3.600.000	2.700.000	1.800.000	900.000
1.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất ông Phương	1	8.000.000	3.200.000	2.400.000	1.600.000	800.000
1.3	Đoạn tiếp theo đến giáp đường Hoàng Liên Sơn	1	9.000.000	3.600.000	2.700.000	1.800.000	900.000
2	Đường Thanh Niên						
2.1	Từ nhà ông Khôn (Tổ 9) đến đường Nghĩa Tân	2	4.000.000	1.600.000	1.200.000	800.000	400.000
2.2	Đoạn tiếp theo đến giáp đất bà Thành (Tổ 8)	2	4.500.000	1.800.000	1.350.000	900.000	450.000
2.3	Từ đất ông Châu đến giáp đất nhà ông Hải - Sử (Tổ 11)	2	5.000.000	2.000.000	1.500.000	1.000.000	500.000
2.4	Đoạn từ đất nhà ông Hải - Sử đến giáp đất ông Vy bà Xô	2	5.500.000	2.200.000	1.650.000	1.100.000	550.000
3	Đường Phạm Ngũ Lão: (Đường Điện Biên gặp đường HLS)						
3.1	Từ sau vị trí 1 đường Điện Biên đến giáp đất bà Tân (cả 2 bên đường)	2	3.500.000	1.400.000	1.050.000	700.000	350.000
3.2	Đoạn tiếp theo từ đất bà Tân đến hết đất nhà ông Hải	2	4.000.000	1.600.000	1.200.000	800.000	400.000
4	Đường bê tông tổ 17						
4.1	Nhánh 1 từ sau đất bà Tám Xuyên đến giáp đất bà Vân	4	1.000.000	400.000	300.000	200.000	100.000
4.2	Nhánh 2 từ sau đất nhà ông Nho đến sau đất nhà ông Thường	4	1.000.000	400.000	300.000	200.000	100.000
4.3	Nhánh 3 từ sau đất nhà bà Hồng đến hết đất nhà ông Phả	4	1.000.000	400.000	300.000	200.000	100.000
5	Đường bê tông liên tổ 13 + 14						
	* Đoạn từ Đường Điện Biên đến đường bao Chợ Mường Lò						
5.1	Đoạn từ đất nhà Bà Kim Hằng đến giáp đất nhà ông Huyền Luận	4	2.500.000	1.000.000	750.000	500.000	250.000
5.2	Đoạn tiếp theo đến giáp đất nhà bà Huệ Hùng	4	2.700.000	1.080.000	810.000	540.000	270.000
	* Đoạn từ Đường Phạm Ngũ Lão đến đường Nguyễn Thị Minh Khai						
5.3	Đoạn sau vị trí 1 đường Nguyễn Thị Minh Khai đến hết đất ông Huyền Luận	4	2.000.000	800.000	600.000	400.000	200.000

5.4	Đoạn tiếp theo đến sau vị trí 1 đường Phạm Ngũ Lão	4	1.700.000	680.000	510.000	340.000	170.000
5.5	* Từ đất nhà ông Diệt đến hết đất bà Phúc (Tổ 13)	4	2.700.000	1.080.000	810.000	540.000	270.000
6	Đường bê tông bao Chợ Mường Lò (Từ sau vị trí 1 đường Nguyễn Thị Minh Khai đến sau vị trí 1 đường Phạm Ngũ Lão và sau vị trí 1 đường Hoàng Liên Sơn)	4	4.500.000	1.800.000	1.350.000	900.000	450.000
7	Đường Trần Quốc Toản (Sau trường Hoa Ban đến hết đất ông Khánh)	4	2.500.000	1.000.000	750.000	500.000	250.000
8	Đường Kim Đồng (đường Điện Biên gặp đường Hoàng Liên Sơn)	4	2.500.000	1.000.000	750.000	500.000	250.000
9	Đường Phạm Quang Thắm (đường Điện Biên gặp đường Nguyễn Thái Học)						
9.1	Đoạn từ đất nhà ông Luyện đến hết đất nhà Ông Khuê (cả 2 bên đường)	4	3.000.000	1.200.000	900.000	600.000	300.000
9.2	Đoạn tiếp theo đến sau vị trí 1 đường Nguyễn Thái Học (cả 2 bên đường)	4	2.700.000	1.080.000	810.000	540.000	270.000
10	Đường nhánh Hoa Kiêu (từ đất nhà ông Lương đến hết đất nhà ông Thắng)	4	3.000.000	1.200.000	900.000	600.000	300.000
11	Đường Nghĩa Tân (đường Thanh Niên gặp đường Nguyễn Thái Học)	4					
11.1	Đoạn từ sau vị trí 1 đường Thanh Niên đến sau vị trí 1 đường Phạm Quang Thắm	4	1.200.000	480.000	360.000	240.000	120.000
11.2	Đoạn từ vị trí 1 đường Phạm Quang Thắm đến sau vị trí 1 đường Nguyễn Thái Học	4	1.000.000	400.000	300.000	200.000	100.000
12	Đường Pá Kết						
12.1	Từ sau vị trí 1 đường Hoàng Liên Sơn đến hết đất nhà ông Bình (cả 2 bên đường)	4	1.000.000	400.000	300.000	200.000	100.000
12.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Khánh	4	700.000	280.000	210.000	140.000	70.000
12.3	Đoạn tiếp theo hết địa giới phường Trung Tâm	4	500.000	200.000	150.000	100.000	50.000
13	Đường nhánh tổ Pá Kết						
13.1	Từ đất nhà ông Nhành đến hết đất nhà bà Điều Thị Xiếng	4	500.000	200.000	150.000	100.000	50.000
14	Đường Tô Hiệu						
14.1	Đoạn từ đất ông Tập đến hết đất ông Lò Văn Chơi	4	1.000.000	400.000	300.000	200.000	100.000
14.2	Đoạn tiếp theo đến giáp đất ông Chung	4	800.000	320.000	240.000	160.000	80.000
14.3	Đoạn tiếp theo đến đất ông Thăng	4	800.000	320.000	240.000	160.000	80.000
15	Đường Bản Lè (đường vào khu Điều dưỡng cũ).						
15.1	Đoạn từ sau vị trí 1 đường HLS đến hết đất ông Hải - Chung	4	700.000	280.000	210.000	140.000	70.000
15.2	Đoạn tiếp theo đến ngã 3 đi xã Nghĩa Lợi	4	500.000	200.000	150.000	100.000	50.000
16	Đường Nhánh Bản Lè (Từ đường Bản Lè đến đường đi Cầu Lung cũ)	4	500.000	200.000	150.000	100.000	50.000

17	Đường Bê tông tổ 4 (từ đường Tô Hiệu đến đường Bản Lẻ)	4	700.000	280.000	210.000	140.000	70.000
18	Đường Căng Nà (Từ đường Điện Biên đến nhà ông Yêm)						
18.1	Đoạn từ DNTN Hoàng Long đến hết đất nhà ông Luận (Tổ Căng Nà)	4	800.000	320.000	240.000	160.000	80.000
18.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Yêm	4	500.000	200.000	150.000	100.000	50.000
19	Đường nhánh tổ Căng Nà						
19.1	Nhánh 1 Đoạn từ đất nhà ông Giảng đến hết đất ông Hiền	4	300.000	120.000	90.000	60.000	50.000
19.2	Nhánh 1 Đoạn từ đất nhà May đến hết đất ông Tền	4	300.000	120.000	90.000	60.000	50.000
20	Đường Bê tông tổ 18 đi tổ Căng Nà (Từ sau vị trí 1 đường HLS "bà Huyền thịnh" đến đường Căng Nà)	4	1.000.000	400.000	300.000	200.000	100.000
21	Đường Bê Tông Tổ 18 (Từ nhà ông Toán đến hết đất bà Hồng)	4	700.000	280.000	210.000	140.000	70.000
22	Đường Bê Tông Tổ 12						
22.1	Nhánh 1: từ đất nhà ông Hồng Dương đến hết đất nhà ông Hải Dương	4	1.900.000	760.000	570.000	380.000	190.000
22.2	Nhánh 2: từ sau vị trí 1 đường HLS (đất ông Đàm - Nguyệt) đến hết đất gia đình ông Chinh (Tổ Pá Kết)	4					
	* Từ đất ông Đàm - Nguyệt đến giáp đất ông Hào	4	800.000	320.000	240.000	160.000	80.000
	* Từ đất ông Hào đến hết đất ông Chinh	4	400.000	160.000	120.000	80.000	50.000
22.3	Đoạn tiếp từ sau đất nhà ông Tuấn Hằng đến đoạn rẽ đường Pá Kết	4	500.000	200.000	150.000	100.000	50.000
23	Đường bê tông nhánh tổ 7						
23.1	Nhánh 1: đường từ đất nhà bà Anh đến hết đất ông Sơn	4	1.700.000	680.000	510.000	340.000	170.000
23.2	Đoạn từ đất ông Sơn đến đất bà Ngời	4	1.100.000	440.000	330.000	220.000	110.000
23.3	Nhánh 2: đường từ đất ông Năm đến hết đường Bê Tông	4	700.000	280.000	210.000	140.000	70.000
23.4	Nhánh 3: Sau đất phòng Giáo dục đến hết đất nhà ông Trấn	4	800.000	320.000	240.000	160.000	80.000
23.5	Từ đất nhà bà Tâm đến hết đất nhà bà Dung	4	500.000	200.000	150.000	100.000	50.000
24	Đường Nghĩa Lợi (Sau vị trí 1 đường HLS đến trụ sở UBND xã Nghĩa Lợi)						
24.1	Đoạn từ vị trí 1 đường HLS đến hết đất ông Chín	4	4.200.000	1.680.000	1.260.000	840.000	420.000
24.2	Đoạn đường đất sau đất nhà ông Chúc, ông Đại tổ 21	4	800.000	320.000	240.000	160.000	80.000
25	Đường bao chợ C (Từ đường Ngĩa Lợi đến đường Pá Kết)						
25.1	Đoạn từ sau nhà ông Hùng Tuyết đến hộ bà Hiếu	4	3.500.000	1.400.000	1.050.000	700.000	350.000

25.2	Đoạn tiếp theo đến hộ ông Tuấn	4	2.500.000	1.000.000	750.000	500.000	250.000
25.3	Đường nhánh từ nhà bà Hiền - Thiện đến hết đất bà Ca	4	1.500.000	600.000	450.000	300.000	150.000
25.4	Đoạn tiếp theo đến đường đi bản Xa	4	1.200.000	480.000	360.000	240.000	120.000
26	Đường BT tổ 9 (từ đất ông Bình đến hết đất ông Hoà)	4	700.000	280.000	210.000	140.000	70.000
27	Đường BT tổ 16 (từ đất nhà ông Liên đến hết đường BT)	4	500.000	200.000	150.000	100.000	50.000
28	Đường BT tổ 11 (từ đường Thanh Niên đi đường Ng.T.M.Khai)						
28.1	Nhánh 1: Đoạn từ hết đất ông Vượng đến giáp đất bà Phương	4	1.500.000	600.000	450.000	300.000	150.000
28.2	Nhánh 2: Đoạn từ hết đất ông Thoa Bình đến giáp đất ông Yên Đông	4	1.300.000	520.000	390.000	260.000	130.000
29	Đường BT tổ 8 (Đoạn từ sau Công an phường Trung Tâm đến hết đất ông Thu, bà Nga) (đường bổ sung)	4	1.000.000	400.000	300.000	200.000	100.000
30	Các tuyến đường khác còn lại	4	150.000	60.000	50.000	50.000	50.000
II	PHƯỜNG PÚ TRẠNG						
1	Đường Hoa Ban (từ ngã ba đi Trạm Tấu đến Nhà máy nước)						
1.1	Đoạn từ đất ông Văn đến hết đất ông Quang	4	2.000.000	800.000	600.000	400.000	200.000
1.2	Đoạn tiếp theo từ ngã ba hồ Tuổi trẻ đến hết đất ông Kết	4	1.500.000	600.000	450.000	300.000	150.000
1.3	Đoạn tiếp theo đến cổng trường Dân tộc Nội trú	4	1.000.000	400.000	300.000	200.000	100.000
1.4	Đoạn tiếp theo đến nhà văn hoá tổ 11	4	800.000	320.000	240.000	160.000	80.000
1.5	Đoạn tiếp theo đến Nhà máy nước	4	600.000	240.000	180.000	120.000	60.000
2	Đường Pú Trạng (từ đường HLS đi xã Nghĩa Sơn)						
2.1	Đoạn từ nhà ông Viễn đến Trạm xá phường	4	800.000	320.000	240.000	160.000	80.000
2.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất ông ánh	4	700.000	280.000	210.000	140.000	70.000
2.3	Đoạn tiếp theo đến cầu treo Pú Trạng	4	200.000	80.000	60.000	50.000	50.000
2.4	Đoạn tiếp theo đến hết khu dân cư	4	100.000	50.000	50.000	50.000	50.000
2.5	Đoạn tiếp theo đến hết giáp ranh giới xã Nghĩa Sơn	4	70.000	50.000	50.000	50.000	50.000
3	Đường Bao Sân Vận Động (hai đầu gặp đường Điện Biên).						
3.1	Đường Điện Biên gặp đường Phạm Quang Thắm	4	2.000.000	800.000	600.000	400.000	200.000
3.2	Đoạn từ nhà ông Thân đến sau đất nhà ông Văn	4	1.500.000	600.000	450.000	300.000	150.000

4	Đường Phạm Quang Thắm (từ đường Nguyễn Thái Học đến gặp đường Pú Trạng)	4					
4.1	Đoạn sau vị trí 1 đường Nguyễn Thái Học đến hết đất nhà ông Đức - Liên (Tổ 5)	4	2.500.000	1.000.000	750.000	500.000	250.000
4.2	Đoạn tiếp theo đến gặp đường Pú Trạng (sau đất nhà ông Cường)	4	1.500.000	600.000	450.000	300.000	150.000
5	Đường Nghĩa Tân (đường Nguyễn Thái học đến gặp đường Bao Sơn Vận Động)	4	2.000.000	800.000	600.000	400.000	200.000
6	Đường di dời Pú Lo (Từ nhà ông Thanh đến hết đất nhà ông Khánh)	4	1.000.000	400.000	300.000	200.000	100.000
7	Đường 19/5 (Từ đường Hoa Ban đến hết đất nhà ông Thái)	4					
7.1	Đoạn từ đường rẽ đường Hoa Ban đến hết đất ông Thái	4	800.000	320.000	240.000	160.000	80.000
7.2	Đoạn đường ngang của đường liên tổ 8 - 9	4	600.000	240.000	180.000	120.000	60.000
7.3	Đoạn cổng Trường Nội trú đến đường rẽ xuống Trại cá (Hết đất ông Tịch)	4	700.000	280.000	210.000	140.000	70.000
8	Đường bê tông liên tổ 1 (Từ đất nhà ông Sơn đến hết đất bà Thuý Thanh)	4	800.000	320.000	240.000	160.000	80.000
9	Đường bê tông liên tổ 7 (Từ đất nhà ông Trích Liên đến hết đất ông Hôm)	4	800.000	320.000	240.000	160.000	80.000
10	Đường vào cổng trường Nguyễn Bá Ngọc (từ đường Hoa Ban vào trường)	4	1.200.000	480.000	360.000	240.000	120.000
11	Đường Bê tông tổ 4 (Từ nhà bà Hoàn đến hết đất ông Lộc)	4	600.000	240.000	180.000	120.000	60.000
12	Đường Bê tông tổ 5 (Từ nhà ông Tôn đến hết đường bê tông)	4	1.000.000	400.000	300.000	200.000	100.000
13	Đường Bê tông tổ 6 (Từ nhà ông Thu đến hết đất bà Huệ)	4	500.000	200.000	150.000	100.000	50.000
14	Đường Bê tông tổ 7 (Từ nhà ông Đài đến hết đường Bê tông)	4	600.000	240.000	180.000	120.000	60.000
15	Đường Bê tông tổ 22 (Từ nhà ông Thắng đến hết khu tái định cư)	4	300.000	120.000	90.000	60.000	50.000
16	Đường Bê tông tổ 11						
16.1	Đoạn từ sau đất nhà ông Nhị đến hết đường bê tông (hết đất ông Nghĩa)	4	400.000	160.000	120.000	80.000	50.000
16.2	Đoạn từ đất nhà ông Quang đến hết đường bê tông	4	400.000	160.000	120.000	80.000	50.000
17	Đường Bê tông tổ 12						
17.1	Đoạn từ sau nhà bà Mẫu đến hết đất nhà ông Khoa	4	350.000	140.000	105.000	70.000	50.000
17.2	Đoạn từ sau nhà ông Mỹ đến hết đất nhà bà Hợi	4	350.000	140.000	105.000	70.000	50.000
17.3	Đoạn từ sau đất nhà ông Khiêm đến hết đất nhà ông Chuyên	4	350.000	140.000	105.000	70.000	50.000
18	Các tuyến đường khác còn lại	4	100.000	50.000	50.000	50.000	50.000
III	PHƯỜNG CẦU THIA						

1	Đường Nậm Thia (Từ đường Điện Biên đến đường Bản Vệ).						
1.1	Đoạn từ xưởng cơ khí đến cầu Bùa	4	1.100.000	440.000	330.000	220.000	110.000
1.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất ông Lâm Dân	4	800.000	320.000	240.000	160.000	80.000
1.3	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ vào nhà bà Hợi	4	500.000	200.000	150.000	100.000	50.000
1.4	Đoạn tiếp theo đến cầu tổ 2 (gặp đường Bản Vệ)	4	200.000	80.000	60.000	50.000	50.000
2	Đường Tổ 6 (Đoạn từ đất bà Thoa đến hết đất nhà ông Láng)	4	1.100.000	440.000	330.000	220.000	110.000
3	Đường Bản Vệ (Từ đường Nậm Thia đến hết địa giới phường)						
3.1	Đoạn từ ngã ba Bản Vệ đến hết đất nhà bà Lý (Tổ 3)	4	900.000	360.000	270.000	180.000	90.000
3.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất ông Lữ	4	800.000	320.000	240.000	160.000	80.000
3.3	Đoạn tiếp theo đến hết địa giới phường	4	350.000	140.000	105.000	70.000	50.000
4	Đường khu tái định cư tổ 2	4	400.000	160.000	120.000	80.000	50.000
5	Đường Tân Thượng (Từ đường Điện Biên đến đường Sang Hán)						
5.1	Đoạn từ trạm xá phường đến hết đất ông Tâm (Tổ 7)	4	750.000	300.000	225.000	150.000	75.000
5.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Lý (Tổ 9)	4	500.000	200.000	150.000	100.000	50.000
6	Đường Sang Hán (Từ đường Điện Biên đến hết địa giới hành chính phường)						
6.1	Đoạn từ nhà bà Hà đến hết đất nhà ông Hồng (Tổ 8)	4	600.000	240.000	180.000	120.000	60.000
6.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Chương (Tổ 9)	4	550.000	220.000	165.000	110.000	55.000
6.3	Đoạn tiếp theo đến hết địa phận phường	4	150.000	60.000	50.000	50.000	50.000
7	Đường tổ 8 (từ QL 32 đi bãi rác cũ)						
7.1	Đoạn từ đất ông Viên đến hết đất ông Sự	4	500.000	200.000	150.000	100.000	50.000
7.2	Đoạn tiếp theo đến bãi rác cũ	4	400.000	160.000	120.000	80.000	50.000
7.3	Đoạn từ đất nhà ông Ngón đến hết đất nhà ông Túc	4	400.000	160.000	120.000	80.000	50.000
8	Đường Bê tông tổ 3: Từ bản vệ đến hết đất ông Phóng (Đường bổ sung)	4	300.000	120.000	90.000	60.000	50.000
9	Đường Bê tông tổ 4: từ đường Bản Vệ đến hết đất nhà văn hoá	4	300.000	120.000	90.000	60.000	50.000
10	Đường Bê tông tổ 3 + 4: từ đường Bản vệ đến hết đất nhà ông Vũ Hoà	4	300.000	120.000	90.000	60.000	50.000
11	Đường đất tổ 4: từ đường Bản vệ đến hết đất nhà ông Hiệu	4	250.000	100.000	75.000	50.000	50.000
12	Đường Bê tông tổ 4: từ đường Bản Vệ đến trường Mầm non Hoa Phượng	4	300.000	120.000	90.000	60.000	50.000

13	Đường Bê tông tổ 4						
13.1	Đoạn từ sau vị trí 1 đường Điện Biên đến hết đất ông Chính (Tổ 4)	4	550.000	220.000	165.000	110.000	55.000
13.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất ông Nguyễn Kim Ngợi (Tổ 4)	4	500.000	200.000	150.000	100.000	50.000
14	Đường vào nhà văn hoá tổ 9	4	350.000	140.000	105.000	70.000	50.000
15	Đường tổ 9 (đoạn từ đất ông Yêu đến hết đất ông Nhất tổ 9)	4	350.000	140.000	105.000	70.000	50.000
16	Đường liên xã (Từ đường Tân Thượng đi Bản Chao Hạ - xã Nghĩa Lợi)	4	350.000	140.000	105.000	70.000	50.000
17	Các tuyến đường khác còn lại	4	100.000	50.000	50.000	50.000	50.000
III	PHƯỜNG TÂN AN						
1	Đường Nguyễn Thái Học (từ đường Ao Sen đến gặp đường Điện Biên)	4	1.800.000	720.000	540.000	360.000	180.000
2	Đường Ao Sen (từ đường Điện Biên đi gặp đường Nguyễn Quang Bích)						
2.1	Đoạn từ đất ông Phong đến hết đất ông Minh	4	3.000.000	1.200.000	900.000	600.000	300.000
2.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất ông Vượng	4	2.000.000	800.000	600.000	400.000	200.000
2.3	Đoạn tiếp theo đến gặp đường Nguyễn Quang Bích	4	1.500.000	600.000	450.000	300.000	150.000
3	Đường Tổ Ao Sen 3 (Từ đường Ao Sen đến hết đất nhà ông Năm Phượng)						
3.1	Đoạn đất nhà ông Sung - Giang đến hết đất bà Lan - Lưu	4	1.000.000	400.000	300.000	200.000	100.000
3.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất bà Viên	4	800.000	320.000	240.000	160.000	80.000
3.3	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Năm Phượng	4	500.000	200.000	150.000	100.000	50.000
4	Đường Tổ 4 đi tổ 7 (Từ sau đất nhà bà Lan Lưu đến hết đất ông Đảo Tổ 7)	4	500.000	200.000	150.000	100.000	50.000
5	Đường Lê Quý Đôn (từ sau vị trí 1 đường Điện Biên đến hết đất nhà ông Sơn)	4	2.000.000	800.000	600.000	400.000	200.000
6	Đường Nguyễn Du (từ sau vị trí 1 đường Điện Biên đến hết đất ông Khang - Mây)	4	1.500.000	600.000	450.000	300.000	150.000
7	Đường An Hoà (Đường Điện Biên đến trụ sở HTX An Hoà).						
7.1	Đoạn từ sau đất UBND thị xã đến hết đất nhà Hoa Cối (Bên Taluy dương)	4	1.700.000	680.000	510.000	340.000	170.000
7.2	Đoạn từ sau đất UBND thị xã đến hết đất ông Long Tuất (Bên Taluy âm)	4	1.200.000	480.000	360.000	240.000	120.000
7.3	Đoạn tiếp theo đến hết đất ông Hành	4	1.000.000	400.000	300.000	200.000	100.000
7.4	Đoạn tiếp theo đến kho Hợp tác xã An Hoà (Bên Taluy dương)	4	800.000	320.000	240.000	160.000	80.000
7.5	Đoạn đường rẽ vào kho Hợp tác xã An Hoà (Bên Taluy âm)	4	500.000	200.000	150.000	100.000	50.000

8	Đường 2/9 (từ đường Nguyễn Quang Bích gặp đường Tông Co)	4					
8.1	Đoạn từ sau vị trí 1 đường Nguyễn Quang Bích đến giáp đất bà Hoa (Tổ 2/9)	4	400.000	160.000	120.000	80.000	50.000
8.2	Đoạn tiếp theo gặp đường Tông Co (Nhà Văn hóa Tổ Tông Co 3-4-5)	4	250.000	100.000	75.000	50.000	50.000
9	Đường 3/2 (Từ đường Nguyễn Quang Bích qua đường Tông Co đến đường An Hòa)						
9.1	Từ Sau vị trí 1 đường Nguyễn Quang Bích đến sau vị trí 1 đường Tông Co (hết đất nhà ông Xuân tổ Tông Co 3)	4	400.000	160.000	120.000	80.000	50.000
9.2	Đoạn tiếp theo từ đất nhà ông Ngoan đến hết đất nhà bà Oanh tổ Tông Co 5	4	500.000	200.000	150.000	100.000	50.000
10	Đường Tông Co (từ đường Lê Quý Đôn đi An Sơn)						
10.1	Đoạn từ đường Lê Quý Đôn đến hết đất nhà ông Hợi (Tổ 2)	4	600.000	240.000	180.000	120.000	60.000
10.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Thọ	4	500.000	200.000	150.000	100.000	50.000
10.3	Đoạn tiếp theo đến hết đất ông Ngoan	4	400.000	160.000	120.000	80.000	50.000
10.4	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Bánh (Tông Co 2)	4	500.000	200.000	150.000	100.000	50.000
11	Đường bê tông tổ 2 (Từ nhà ông Tiến đến nhà ông Cặp)	4	400.000	160.000	120.000	80.000	50.000
12	Đường Bê tông tổ 4 (Từ đường Điện Biên đến đường Ao Sen 3)						
12.1	Đoạn từ đất nhà ông Minh - Hà đến hết đất nhà bà Sâm	4	600.000	240.000	180.000	120.000	60.000
12.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà bà Minh Tâm	4	500.000	200.000	150.000	100.000	50.000
12.3	Đoạn tiếp theo đến đường Ao Sen 3	4	300.000	120.000	90.000	60.000	50.000
13	Đường Bê tông tổ 1						
13.1	Đoạn từ đất nhà ông Chiến đến hết đất bà Tâm - Dậu	4	800.000	320.000	240.000	160.000	80.000
13.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Thủy	4	500.000	200.000	150.000	100.000	50.000
13.3	Đoạn tiếp theo từ đất nhà bà Tâm Dậu đến hết đất ông Lò Văn Hạc	4	500.000	200.000	150.000	100.000	50.000
	* Đoạn từ đường An Hòa đến gặp đường Tông Co (Đối diện trường Hoàng Văn Thọ)	4					
13.4	Từ nhà ông Thử tổ 1 đến hết đất nhà bà Xương	4	600.000	240.000	180.000	120.000	60.000
13.5	Đoạn tiếp theo đến gặp đường Tông Co	4	500.000	200.000	150.000	100.000	50.000
13.6	* Đoạn từ đất bà Xuân đến hết đất bà Hương (Hanh)	4	1.200.000	480.000	360.000	240.000	120.000
14	Đường bê tông tổ Tông Co 5 (Từ hết đất ông Phong đến sau vị trí 1 đường Tông Co)	4	300.000	120.000	90.000	60.000	50.000

15	Đường bê tông tổ 3: Nhánh rẽ đường Lê Quý Đôn từ đất ông Thủy đến hết đất ông Bật	4	500.000	200.000	150.000	100.000	50.000
16	Các tuyến đường khác còn lại	4	120.000	50.000	50.000	50.000	50.000